

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 9 năm 2018

**ĐIỂM THI**

PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC  
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 1 LỚP A, TẠI TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU I

| STT | Họ và tên        | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|------------------|----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 1   | Hoàng Công An    | 1        | 90          | 7.0         | Bảy      |         |
| 2   | Chu Quang Anh    | 2        | 130         | 7.0         | Bảy      |         |
| 3   | Lê Bá Ánh        | 3        | 41          | 7.0         | Bảy      |         |
| 4   | Ngân Bá Ân       | 4        | 79          | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 5   | Bàn Hữu Ba       | 5        | 23          | 8.0         | Tám      |         |
| 6   | Nguyễn Đăng Bản  | 6        | 122         | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 7   | Phạm Văn Bình    | 7        | 88          | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 8   | Nông Văn Cảnh    | 8        | 77          | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 9   | Hoàng Văn Chang  | 9        | 96          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 10  | Hà Viết Chiến    | 10       | 64          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 11  | Nông Hoàng Chiến | 11       | 129         | 7.0         | Bảy      |         |
| 12  | Dương Công Chung | 12       | 70          | 7.0         | Bảy      |         |
| 13  | Ma Văn Chung     | 13       | 39          | 8.0         | Tám      |         |
| 14  | Hoàng Chí Công   | 14       | 93          | 7.0         | Bảy      |         |
| 15  | Hà Quốc Cường    | 15       | 20          | 8.0         | Tám      |         |
| 16  | Ma Văn Cường     | 16       | 16          | 7.0         | Bảy      |         |
| 17  | Lý Anh Dũng      | 17       | 52          | 7.0         | Bảy      |         |
| 18  | Đàm Tiến Dũng    | 18       | 35          | 7.0         | Bảy      |         |
| 19  | Vũ Bá Bình Dương | 19       | 89          | 7.0         | Bảy      |         |
| 20  | Hà Văn Duy       | 20       | 60          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 21  | Hoàng Văn Duy    | 21       | 51          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 22  | Lương Văn Đạt    | 22       | 85          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |

| STT | Họ và tên          | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 23  | Thân Văn Điệp      | 23       | 11          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 24  | Hoàng Tây Đô       | 24       | 117         | 7.0         | Bảy      |         |
| 25  | Hoàng Văn Đô       | 25       | 21          | 7.0         | Bảy      |         |
| 26  | Nông Xuân Đoàn     | 26       | 132         | 6.0         | Sáu      |         |
| 27  | Nguyễn Văn Đức     | 27       | 86          | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 28  | Trần Văn Đức       | 28       | 37          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 29  | Lý Văn Đức         | 29       | 58          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 30  | Ma Văn Được        | 30       | 54          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 31  | Hà Văn Giang       | 31       | 34          | 7.0         | Bảy      |         |
| 32  | Lê Quang Giáp      | 32       | 107         | 7.0         | Bảy      |         |
| 33  | Hoàng Thiện Hải    | 33       | 80          | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 34  | Đỗ Nguyên Hân      | 34       | 63          | 7.0         | Bảy      |         |
| 35  | Chu Văn Hiển       | 35       | 120         | 7.0         | Bảy      |         |
| 36  | Vy Văn Hiện        | 36       | 14          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 37  | Hoàng Văn Hiệp     | 37       | 42          | 8.0         | Tám      |         |
| 38  | Sầm Trung Hiếu     | 38       | 102         | 7.0         | Bảy      |         |
| 39  | Long Văn Hiếu      | 39       | 10          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 40  | Hoàng Văn Hiệ      | 40       | 81          | 7.0         | Bảy      |         |
| 41  | Nông Văn Hoạch     | 41       | 56          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 42  | Ngô Huy Hoàng      | 42       | 74          | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 43  | Hoàng Hữu Học      | 43       | 04          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 44  | Vi Văn Hồng        | 44       | 68          | 7.0         | Bảy      |         |
| 45  | Lý Quang Hùng      | 45       | 123         | 7.0         | Bảy      |         |
| 46  | Nguyễn Văn Hùng    | 46       | 29          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 47  | Bùi Văn Hùng       | 47       | 133         | 7.0         | Bảy      |         |
| 48  | Chu Văn Hùng       | 48       | 19          | 8.0         | Tám      |         |
| 49  | Hoàng Mạnh Hùng    | 49       | 61          | 7.0         | Bảy      |         |
| 50  | Lê Dương Hưng      | 50       | 22          | 7.0         | Bảy      |         |
| 51  | Lương Đức Duy Hưng | 51       | 99          | 6.0         | Sáu      |         |
| 52  | Hoàng Quốc Hương   | 52       | 03          | 7.0         | Bảy      |         |

| STT | Họ và tên          | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú  |
|-----|--------------------|----------|-------------|-------------|----------|----------|
| 53  | Lộc Văn Huyết      | 53       | 82          | 7.0         | Bảy      |          |
| 54  | Giáp Văn Khang     | 54       | 112         | 7.0         | Bảy      |          |
| 55  | Nông Văn Kiên      | 55       | 127         | 7.0         | Bảy      |          |
| 56  | Hứa Văn Lân        | 56       | 108         | 6.5         | Sáu rưỡi |          |
| 57  | Hoàng Văn Linh     | 57       | 76          | 7.0         | Bảy      |          |
| 58  | Triệu Ngọc Linh    | 58       | 83          | 6.5         | Sáu rưỡi |          |
| 59  | Chu Phúc Long      | 59       | 105         | 7.0         | Bảy      |          |
| 60  | Nông Văn Lực       | 60       | 55          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 61  | Trần Văn Lượng     | 61       | 119         | 7.0         | Bảy      |          |
| 62  | Phùng Công Minh    | 62       | 28          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 63  | Nông Văn Mong      | 63       | 01          | 7.0         | Bảy      |          |
| 64  | La Hoài Nam        | 64       | 114         | 7.0         | Bảy      |          |
| 65  | Nguyễn Xuân Năng   | 65       | 101         | 7.0         | Bảy      |          |
| 66  | Vi Văn Nga         | 135      | -           | -           | -        | Vắng thi |
| 67  | Hà Văn Nguyên      | 66       | 103         | 8.0         | Tám      |          |
| 68  | Hoàng Trung Nguyên | 67       | 94          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 69  | Diệp Văn Nguyên    | 68       | 48          | 8.0         | Tám      |          |
| 70  | Hoàng Văn Niên     | 69       | 116         | 7.0         | Bảy      |          |
| 71  | Hoàng Thọ Ninh     | 70       | 118         | 7.0         | Bảy      |          |
| 72  | Triệu Văn Phúc     | 71       | 24          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 73  | Ngô Văn Phụng      | 72       | 128         | 6.5         | Sáu rưỡi |          |
| 74  | Hoàng Văn Quân     | 73       | 08          | 7.0         | Bảy      |          |
| 75  | Ma Khánh Quân      | 74       | 53          | 7.0         | Bảy      |          |
| 76  | Lèng Hữu Quang     | 75       | 50          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 77  | Đinh Như Quý       | 76       | 62          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 78  | Hoàng Văn Quý      | 77       | 44          | 7.0         | Bảy      |          |
| 79  | Bùi Văn Sang       | 78       | 02          | 8.0         | Tám      |          |
| 80  | Đặng Văn Sinh      | 79       | 106         | 6.5         | Sáu rưỡi |          |
| 81  | Chu Văn Sơ         | 80       | 69          | 7.0         | Bảy      |          |
| 82  | Triệu Quang Sơn    | 81       | 104         | 7.5         | Bảy rưỡi |          |

| STT | Họ và tên        | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú  |
|-----|------------------|----------|-------------|-------------|----------|----------|
| 83  | Vi Văn Sơn       | 82       | 71          | 7.0         | Bảy      |          |
| 84  | Hoàng Văn Sướng  | 83       | 72          | 7.0         | Bảy      |          |
| 85  | Phùng Thế Tài    | 84       | 46          | 7.0         | Bảy      |          |
| 86  | Đinh Quang Thắng | 85       | 126         | 6.5         | Sáu rưỡi |          |
| 87  | Hoàng Văn Thanh  | 86       | 109         | 7.0         | Bảy      |          |
| 88  | Hoàng Chí Thanh  | 87       | 91          | 7.0         | Bảy      |          |
| 89  | Hoàng Tuấn Thành | 88       | 59          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 90  | Ma Văn Thê       | 89       | 84          | 6.5         | Sáu rưỡi |          |
| 91  | Nông Quốc Thế    | 90       | -           | -           | -        | Vắng thi |
| 92  | Nguyễn Văn Thị   | 91       | 12          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 93  | Hoàng Xuân Thiêm | 92       | 27          | 7.0         | Bảy      |          |
| 94  | Lộc Huy Thiệp    | 93       | 113         | 7.0         | Bảy      |          |
| 95  | Triệu Tiến Thọ   | 94       | 87          | 7.0         | Bảy      |          |
| 96  | Dương Văn Thư    | 95       | 78          | 7.0         | Bảy      |          |
| 97  | Trần Văn Thụ     | 96       | 47          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 98  | Mạch Văn Thương  | 97       | 43          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 99  | Trần Văn Thường  | 98       | 26          | 7.0         | Bảy      |          |
| 100 | Dương Văn Toàn   | 99       | 17          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 101 | Hà Đức Trình     | 100      | 33          | 8.0         | Tám      |          |
| 102 | Đàm Văn Trọng    | 101      | 06          | 7.0         | Bảy      |          |
| 103 | Nguyễn Duy Truân | 102      | 115         | 7.0         | Bảy      |          |
| 104 | Phạm Quốc Trung  | 103      | 131         | 7.0         | Bảy      |          |
| 105 | Vi Văn Trường    | 104      | 66          | 7.0         | Bảy      |          |
| 106 | Lý A Tu          | 105      | 30          | 7.0         | Bảy      |          |
| 107 | Vũ Đình Tú       | 106      | 75          | 7.0         | Bảy      |          |
| 108 | Nịnh Văn Tuấn    | 107      | 97          | 7.0         | Bảy      |          |
| 109 | Nguyễn Hà Tuấn   | 108      | 92          | 6.5         | Sáu rưỡi |          |
| 110 | Hoàng Thanh Tuấn | 109      | 110         | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 111 | Hứa Văn Tuấn     | 110      | 18          | 7.5         | Bảy rưỡi |          |
| 112 | Nông Văn Tùng    | 111      | 25          | 8.0         | Tám      |          |

| STT | Họ và tên        | Số<br>BD | Số<br>phách | Điểm<br>thi | Bảng chữ | Ghi chú |
|-----|------------------|----------|-------------|-------------|----------|---------|
| 113 | Trần Văn Tùng    | 112      | 57          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 114 | Triệu Minh Tùng  | 113      | 45          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 115 | Lê Thanh Tùng    | 114      | 98          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 116 | Nguyễn Lâm Tùng  | 115      | 100         | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 117 | Ma Xuân Tươi     | 116      | 38          | 7.0         | Bảy      |         |
| 118 | Hà Đức Túy       | 117      | 15          | 7.0         | Bảy      |         |
| 119 | La Văn Tuyên     | 118      | 07          | 7.0         | Bảy      |         |
| 120 | Trương Văn Tuyên | 119      | 05          | 7.0         | Bảy      |         |
| 121 | Đông Văn Tuyên   | 120      | 125         | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 122 | Phan Văn Tuyên   | 121      | 95          | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 123 | Lâm Văn Tuyên    | 122      | 73          | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 124 | Phạm Thanh Tuyên | 123      | 40          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 125 | Bế Vương Tuyên   | 124      | 67          | 6.5         | Sáu rưỡi |         |
| 126 | Trịnh Công Út    | 125      | 13          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 127 | Hứa Đức Văn      | 126      | 65          | 7.5         | Bảy rưỡi |         |
| 128 | Triệu Văn Vĩ     | 127      | 32          | 7.0         | Bảy      |         |
| 129 | Lương Văn Viên   | 128      | 121         | 7.0         | Bảy      |         |
| 130 | Nông Văn Vinh    | 129      | 36          | 8.0         | Tám      |         |
| 131 | Ma Khắc Võ       | 130      | 124         | 8.0         | Tám      |         |
| 132 | Phùng Tuấn Vũ    | 131      | 111         | 7.0         | Bảy      |         |
| 133 | Ma Đình Vương    | 132      | 49          | 7.0         | Bảy      |         |
| 134 | Hoàng Văn Vượng  | 133      | 09          | 8.0         | Tám      |         |
| 135 | Bê Văn Xin       | 134      | 31          | 6.5         | Sáu      |         |

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Phúc Ái

KHOA NN&PL



Nguyễn Thị Hồng Mây

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Minh Chuyên